TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30/6/2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hoàng;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 109A/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị C.T.T.T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp Tân Đông, xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* **Anh L.S.B**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp Tân Đông, xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà C.T.T.T trình bày như sau*: Bà và ông L.S.B quen biết, tự nguyện tiến đến kết hôn vào năm 2006, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 12/12/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tới năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông B không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông B; Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên L.C.Q.A, sinh ngày 17/5/2008 và L.C.Q.K, sinh ngày 03/11/2018, hiện nay đang sống với bà. Nếu được ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bà T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông B đến để tiến hành hòa giải và triệu tập tham gia phiên toà nhưng ông B vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xem xét, quyết định. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với

ông B. Về con chung: Giao 02 cháu L.C.Q.A, sinh ngày 17/5/2008 và L.C.Q.K, sinh ngày 03/11/2018 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; ông B không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Bà T yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bà C.T.T.T (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông L.S.B (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông B kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang ngày 12/12/2006 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng bà T và ông B phát sinh mâu thuẫn, bà T xin ly hôn nên Toà án thụ lý, giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình hôn nhân, bà T cho rằng do ông B không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Thời gian ly thân, ông B không còn tới lui, thăm nom, chăm sóc bà cũng như không có biện pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án đã triệu tập ông B để tham gia phiên hòa giải nhưng ông B cố tình vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thể hiện ông B không muốn hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông B thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông B.

[2.2] Về con chung:

Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên L.C.Q.A, sinh ngày 17/5/2008 và L.C.Q.K, sinh ngày 03/11/2018, hiện nay đang sống với bà. Sau ly hôn, bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, cháu A và cháu Khang hiện nay đang sống với bà T và cháu A cũng có nguyện vọng được sống với bà T. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của 02 cháu, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho 02 cháu, giúp 02 cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử giao 02 cháu A và cháu Khang cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà T không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà T phải tạo điều kiện cho ông B được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà T và ông B có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.T.T.T.

- Về hôn nhân: bà C.T.T.T được ly hôn với ông L.S.B.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01, ngày 12/12/2006 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp cho bà C.T.T.T và ông L.S.B không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên L.C.Q.A, sinh ngày 17/5/2008 và L.C.Q.K, sinh ngày 03/11/2018 cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không có yêu cầu.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà T và ông B có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà C.T.T.T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008873 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ông L.S.B không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà T và ông B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND xã Mỹ Phú Đông;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

Mai Thị Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Trần Quang Thái	**Dương Triết Minh**
	Mai Thị Vân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Óc Eo;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VP, HS.

Mai Thị Vân